

Bản án số: 15/2025/HS-ST
Ngày 13 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Khắc Hoàn

Bà Nguyễn Thị Vịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Bùi Đức T**; sinh ngày 26 tháng 11 năm 2001, tại Q, Quảng Ninh. Nơi thường trú: khu E, phường Y, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đức K và bà Vũ Thị L; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 14/12/2024, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

2. Họ và tên: **Dương Văn D**; sinh ngày 22 tháng 11 năm 1995, tại Q, Quảng Ninh. Nơi thường trú: khu F, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn H và bà Nguyễn Thị H1; bị cáo có vợ và có 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đầu thú và bị tạm giam từ ngày 15/12/2024, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

- Người làm chứng: anh Nguyễn Đức T1, anh Trần Hậu T2, anh Nguyễn Khắc H2, chị Trần Thị T3; đều vắng mặt.

- Người chứng kiến: ông Đinh Tuấn P, anh Nguyễn Văn K1; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Đức T, Dương Văn D là bạn bè quen biết ngoài xã hội, thường xuyên sử dụng ma túy loại Cần sa. Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 13/12/2024 T gọi điện hỏi D mua 01 túi ma túy Cần sa, D đồng ý. Sau đó T đến trước cửa nhà D ở khu F, phường Q, thị xã Q mua của D 01 túi Cần sa giá 600.000 đồng đem về chia thành 03 túi nhỏ để bán lại cho người khác kiếm lời.

Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Đức T1 (sinh năm 1998, trú tại khu Đ, phường C, thị xã Q) gọi điện hỏi T mua 01 túi C, T đồng ý hẹn gặp tại khu vực cầu T thuộc khu K, phường Q để giao dịch mua bán ma túy. Tại đây T đã bán cho T1 01 túi Cần sa giá 500.000 đồng.

Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 14/12/2024 T và anh Trần Hậu T2 đang làm việc tại cửa hàng “Tâm linh Q” của vợ chồng anh Nguyễn Khắc H2, chị Trần Thị T3 ở khu E, phường Y, thị xã Q thì được chị T3 giao đi đôi bộ loa kèn, anh T2 điều khiển xe ô tô biển kiểm soát (BKS) 14C - 261.76 của anh H2 chở T ngồi ở ghế phụ. Khi đi T đem theo 02 túi Cần sa cất giấu trong người mục đích nếu có ai hỏi mua thì bán lại kiếm lời nhưng không nói cho anh T2 biết. Đến 20 giờ 20 phút cùng ngày khi đi đến khu K, phường Q, thị xã Q thấy lực lượng Công an, sợ bị phát hiện T đã giấu 01 túi Cần sa ở trong ngăn để đồ cửa xe và vứt vỏ bao thuốc lá bên trong có 01 túi Cần sa xuống dưới đất thì bị Công an thị xã Q phát hiện, bắt quả tang. Vật chứng thu giữ: Thu giữ dưới đất cạnh bánh xe phía trước bên phải xe ô tô 01 vỏ bao thuốc lá bên trong có 01 túi nilon chứa thực vật khô màu nâu nghi là ma túy; thu trong ngăn để đồ cửa bên phải xe ô tô 01 gói giấy bên trong có 01 túi nilon chứa thực vật khô màu nâu nghi là ma túy. Ngoài ra Cơ quan điều tra còn tạm giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo (lắp 01 sim số) và xe ô tô BKS 14C - 261.76.

Ngày 15/12/2024, Dương Văn D đến Công an thị xã Q đầu thú.

Tại bản Kết luận giám định số 1889/KL-KTHS ngày 19/12/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh Q kết luận: Thực vật khô trong 02 túi nilon thu giữ của Bùi Đức T gửi giám định đều là ma túy, loại Cần sa, có tổng khối lượng 1,229 gam.

Quá trình điều tra, các bị cáo Bùi Đức T, Dương Văn D đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngoài ra, Dương Văn D còn khai: Nguồn gốc số ma túy Cần sa bán cho T là khoảng đầu tháng 12/2024, D liên hệ với tài khoản T4 “Phùng Thế A” và mua của người này tại khu vực ngã ba đường A, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh với giá 500.000 đồng về để vừa sử dụng cho bản thân và bán lại cho T.

- Người làm chứng Nguyễn Đức T1 có lời khai ngày 13/12/2024 tại khu vực Cầu trắng, thuộc khu K, phường Q anh mua của Bùi Đức T 500.000đ ma túy cần sa, sau đó mang về nhà và sử dụng hết.

- Người làm chứng Trần Hậu T2 có lời khai: ngày 14/12/2025, anh điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 14C – 261.76 chở Bùi Đức T cùng đi giao hàng, khi đến khu vực K, phường Q thì bị lực lượng công an dừng xe kiểm tra và phát hiện thu giữ trong xe có 2 túi nilon màu trắng có chứa thực vật khô màu nâu nghi là ma túy. Khi bị bắt, T khai số ma túy nói trên là Cần sa, T mua của một người đàn ông ở Hải Phòng mục đích để bán kiếm lời; ngoài ra anh không biết, không liên quan đến số ma túy đó.

- Những người chứng kiến đều có lời khai về việc họ được chứng kiến lực lượng Công an kiểm tra, lập biên bản và thu giữ vật chứng như nội dung vụ án đã nêu ở trên.

Tại Bản cáo trạng số: 1483/CT-VKSQY ngày 24/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên đã truy tố các bị cáo Bùi Đức T và Dương Văn D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng đã nêu và phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Bùi Đức T và Dương Văn D phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 (khoản 2 đối với Dương Văn D) Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Đức T từ 24 (hai mươi bốn) tháng tù đến 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/12/2024; xử phạt bị cáo Dương Văn D từ 24 (hai mươi bốn) tháng tù đến 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong mẫu vật hoàn lại sau giám định; truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 600.000 đồng của bị cáo D và 500.000 đồng của bị cáo T là tiền do các bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội, và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu đen đã thu giữ của bị cáo T, tiêu hủy sim điện thoại lắp kèm điện thoại bị thu giữ. Ngoài ra đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Dương Văn D và Bùi Đức T đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo. Các bị cáo không tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: các bị cáo Dương Văn D và Bùi Đức T đều bày tỏ thái độ ăn năn, hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Q, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Dương Văn D và Bùi Đức T đều đã khai nhận toàn bộ hành vi mà mình đã thực hiện và thừa nhận nội dung Cáo trạng, Luận tội của Viện kiểm sát đã nêu là đúng. Xét thấy, lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai

của chính các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người chứng kiến; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đã được làm rõ tại phiên tòa; như vậy, có đủ căn cứ kết luận:

Ngày 13/12/2024, tại khu F, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, Dương Văn D đã có hành vi bán 01 túi ma túy loại Cần sa cho Bùi Đức T với giá 600.000 đồng; cùng ngày tại khu K phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, Bùi Đức T đã có hành vi bán 01 túi Cần sa cho Nguyễn Đức T1 với giá 500.000 đồng, ngoài ra T còn tàng trữ 1,229 gam Cần sa mục đích để bán, đến ngày 14/12/2024 thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Dương Văn D và Bùi Đức T đã cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự, như nội dung bản cáo trạng số: 1483/CT-VKSQY ngày 24/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo:

Tội phạm do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật hình sự. Hành vi đó không những xâm phạm đến sự độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước mà còn gây mất an ninh trật tự xã hội. Ma túy là loại chất gây nghiện, nó không những hủy hoại cho sức khỏe của người sử dụng, mà còn gây tác hại nhiều mặt trong đời sống xã hội, là nguồn gốc của các loại tội phạm khác. Các bị cáo đều đã trưởng thành, đủ khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình, biết rõ tính nguy hiểm, tác hại của chất ma túy và cũng nhận thức rất rõ Nhà nước nghiêm cấm cá nhân, tổ chức có hành vi liên quan đến việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy..v.v., nhưng do ý thức chấp hành pháp luật kém, lối sống buông thả và háms lợi bất chính nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội; do đó cần có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo để đảm bảo tính răn đe, cải tạo và phòng ngừa.

[4] Về vai trò của các bị cáo:

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội với vai trò độc lập. Bị cáo Dương Văn D là người mua ma túy về để sử dụng và bán ma túy cho bị cáo Bùi Đức T để kiếm lời; bị cáo Bùi Đức T mua ma túy của D về bán lại cho người khác nên cả hai bị cáo đều phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Dương Văn D và Bùi Đức T đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Dương Văn D sau khi phạm tội đã tự giác ra đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về số tiền do phạm tội mà có: quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định, bị cáo Dương Văn D đã thu được số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) từ việc bán ma túy; bị cáo Bùi Đức T đã thu được số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) từ việc bán ma túy, vì vậy cần buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền này để sung ngân sách Nhà nước.

[7] Về vật chứng:

- Đối với chiếc xe ô tô BKS 14C-261.76 quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của anh Nguyễn Khắc H2, anh H2 không biết bị cáo T sử dụng xe vào việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H2, do đó Hội đồng xét xử không đề cập.

- Đối với các mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì niêm phong số 1889/KL - KTHS, ngày 19/12/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh Q cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 sim điện thoại bị thu giữ không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu đen đã thu giữ của bị cáo T, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định có liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

[8] Về các vấn đề khác:

- Đối với Nguyễn Đức T1 sau khi mua ma túy của Bùi Đức T đã sử dụng hết, không có kết quả giám định chất ma túy trong cơ thể nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- Đối với đối tượng đã bán ma túy cho Dương Văn D, quá trình điều tra không xác định được con người, lai lịch cụ thể nên không có căn cứ để xử lý.

[9] Về hình phạt bổ sung: các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 (khoản 2 đối với bị cáo Dương Văn D) Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố các bị cáo Dương Văn D và Bùi Đức T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

+ Xử phạt bị cáo Dương Văn D 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2024;

+ Xử phạt bị cáo Bùi Đức T 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/12/2024.

- Về số tiền do phạm tội mà có: căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo Dương Văn D phải nộp số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng); bị cáo Bùi Đức T phải nộp số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy vật chứng là mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì niêm phong số 1889/KL - KTHS, ngày 19/12/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh Q và chiếc sim điện thoại lắp kèm chiếc điện thoại bị thu giữ.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu đen đã thu giữ của bị cáo T.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24 tháng 02 năm 2025, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên).

- Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Dương Văn D và Bùi Đức T mỗi bị cáo có nghĩa vụ nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TX Quảng Yên;
- Cơ quan điều tra;
- VKSND; TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THA DS TX Quảng Yên;
- CQ THA HS;
- TTG Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Huy

